

Số: 407/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức học phí năm 2026 tại
Trường Đại học Tài chính – Marketing

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội ban hành Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-ĐHTCM ngày 18/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc quy định mức học phí các chương trình, các khóa và các hệ đào tạo năm 2025;

Căn cứ Biên bản cuộc họp số 412/BB-ĐHTCM ngày 03/02/2026 của Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc phê duyệt mức học phí năm 2026 đã được thông qua;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế, Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức học phí năm 2026 tại Trường Đại học Tài chính - Marketing như sau:

1. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2025 trở về trước:

Thực hiện theo Quyết định số 286/QĐ-ĐHTCM ngày 18/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc quy định mức học phí năm 2025 tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.

2. Đối với các khóa tuyển sinh năm 2026:



ĐVT: đồng

STT	Khóa học/Chương trình/ Hệ đào tạo	Học phí	Học phí 1 tín chỉ
I	Đại học chính quy		
1	Chương trình Chuẩn		
1.1	Chương trình Chuẩn (ngành ngôn ngữ Anh)	30.000.000/năm	902.000
1.2	Chương trình Chuẩn (các ngành khác)	30.000.000/năm	960.000
2	Chương trình Đặc thù Du lịch	35.000.000/năm	1.120.000
3	Chương trình Tích hợp và Tài năng:		
3.1	Tích hợp (ngành Kiểm toán, Công nghệ tài chính)	43.000.000/năm	1.376.000
3.2	Tích hợp và Tài năng (các ngành còn lại)	47.000.000/năm	1.504.000
4	Chương trình tiếng Anh toàn phần	65.000.000/năm	1.897.000
- Mức học phí trên chưa bao gồm học phí học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh.			
II	Đào tạo Từ xa, Vừa làm vừa học		
1	Đào tạo Từ xa		
1.1	Đào tạo Từ xa ngành ngôn ngữ Anh	20.800.000/năm	639.000
1.2	Đào tạo Từ xa các Ngành còn lại	19.500.000/năm	639.000
2	Vừa làm vừa học tại TP.HCM		
2.1	Vừa làm vừa học ngành ngôn ngữ Anh	23.400.000/năm	720.000
2.2	Vừa làm vừa học các Ngành còn lại	22.000.000/năm	720.000
3	Vừa làm vừa học liên kết với các đơn vị bên ngoài.		
3.1	Liên kết với các đơn vị ngoài TP. HCM ngành ngôn ngữ Anh	21.300.000/năm	655.000
3.2	Liên kết với các đơn vị ngoài TP. HCM các Ngành còn lại	20.000.000/năm	655.000
- Mức học phí trên chưa bao gồm học phí học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh.			
III	Liên kết quốc tế		
A	Đại học		
	Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh cho sinh viên chưa đủ chuẩn tiếng Anh (chia làm 4 cấp độ, tùy theo trình độ của người học, học cấp độ nào đóng học phí cấp độ đó)	60.000.000/năm (15.000.000/cấp độ)	

STT	Khóa học/Chương trình/ Hệ đào tạo	Học phí	Học phí 1 tín chỉ
	<i>Năm chuyên ngành</i>		
1	Liên kết với Đại học HELP		
1.1	Ngành Kế toán	75.800.000/năm	1.735.000
1.2	Các ngành khác	72.300.000/năm	1.735.000
2	Liên kết với Đại học UCSI (03 năm)	69.400.000/năm	1.735.000
3	Liên kết với Đại học Thompson River (TRU)		
3.1	Ngành Kinh doanh quốc tế	81.000.000/năm	2.700.000
3.2	Ngành Marketing	81.000.000/năm	2.700.000
4	Liên kết với Đại học Concord	81.000.000/năm	2.700.000
5	Liên kết với Đại học Wincosin – Stout		
5.1	Ngành khác	78.300.000/năm	2.700.000
5.2	Ngành Quản trị kinh doanh	76.950.000/năm	2.700.000
6	Liên kết với Đại học West of England Bristol	94.000.000/năm	2.350.000
7	Liên kết với Rennes School Business	85.050.000/năm	2.100.000
8	Liên kết với Đại học Rennes		
8.1	Học 03 năm tại Việt Nam	84.700.000/năm	2.100.000
8.2	Học 02 năm tại Việt Nam (84 tín chỉ)	88.200.000/năm	2.100.000
	Học 01 năm tại Pháp (40 tín chỉ)	124.000.000/năm	3.100.000
B	Chương trình Tiến sĩ UCSI (03 năm)	399.000.000/khóa	
IV	Đào tạo sau đại học		
1	Cao học	70.150.000/khóa	1.150.000
2	Nghiên cứu sinh	198.000.000/khóa	
- Học viên cao học là cựu sinh viên của Trường được giảm 10%/tổng số học phí của khóa học, chia theo từng đợt đóng học phí. - Học viên cao học có người thân (Bố, mẹ, anh chị em ruột, vợ chồng, con) đã hoặc đang tham gia học cao học tại Trường thì được giảm 5%/tổng học phí của khóa học, chia theo từng đợt đóng học phí.			
V	Lệ phí Đại học		
1	Đại học		
1.1	Lệ phí tuyển sinh đại học chính quy	30.000	
1.2	Thi cải thiện đại học chính quy	150.000	
1.3	Thi cải thiện Đại học (LKQT)	900.000	

STT	Khóa học/Chương trình/ Hệ đào tạo	Học phí	Học phí 1 tín chỉ
1.4	Lệ phí phúc khảo (LKQT)	900.000	
1.5	Lệ phí tuyển sinh (LKQT)	500.000	
2	Lệ phí (thạc sĩ, Nghiên cứu sinh)		
2.1	LP hồ sơ xét tuyển trình độ tiến sĩ chính quy	300.000	
2.2	Phí nhận xét bài luận NCS chính quy		
2.3	Phí gia hạn thời gian học tập Nghiên cứu sinh	10.000.000	
2.4	Lệ phí xét hồ sơ NCS chương trình (LKQT)	1.000.000	
2.5	Phí gia hạn Nghiên cứu sinh (LKQT)	36.000.000	
2.6	LP xét tuyển 2 môn CS ngành trình độ thạc sĩ	280.000	
2.7	Học phí Bổ sung kiến thức	500.000	
2.8	Phí gia hạn luận văn/đề án thạc sĩ	4.000.000	

- Đối với tuyển sinh chính quy Khóa 26D:

+ Nộp học phí 1 năm khi nhập học giảm 5% năm thứ nhất.

+ Nộp học phí toàn khóa khi nhập học giảm 10% toàn khóa

Mức học phí này được cố định trong toàn khóa học, nếu có sự thay đổi về mức học phí của Nhà nước thì Nhà trường sẽ xem xét điều chỉnh và thông báo cho sinh viên.

3. Học phí học lại, học vượt, học ngoài tiến độ: Học với khóa, lớp nào thì đóng mức học phí của khóa, lớp đó.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Trưởng đơn vị thuộc Trường và toàn thể người theo học tại Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Website UIS;
- Lưu: VT, TCKT (07b) ✓



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt